

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày: 04-7-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Bá Bằng
- Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan, thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Xuân - Kiểm Sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại Phòng xử án của **Tòa án nhân dân Khu vực 7**, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1091/2024/DSST ngày 23 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;

Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường X (cũ: Phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1987; (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: D Q, phường G (cũ: Phường A, quận G), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2024, bản tự khai và tại phiên tòa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** có ông Dương Văn T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/01/2022, bà Nguyễn Thị Bích K với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện Phát hành và Sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ theo thu nhập và đề nghị của bà B, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị B với hạn mức sử dụng thẻ là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Bà B đã ký nhận biên bản bàn giao thẻ tín dụng nêu trên vào ngày 16/11/2022. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng bà B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 246.489.306 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Bà B phải chịu các khoản phí theo quy định định được hai bên thỏa thuận tại Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (mọi chi tiết lãi, phí được thể hiện trong sao kê tóm tắt).

Trong quá trình từ ngày kích hoạt thẻ và sử dụng thẻ đến nay bà B đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 199.697.750 đồng (chi tiết các lần thanh toán được thể hiện trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền thanh toán trên được áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước;
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Nên ngày 05/08/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn được quy định tại Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 55.125.748 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên Ngân hàng yêu cầu bà B phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ.

Tính đến ngày 04/7/2025, bà B còn nợ số tiền là: Nợ gốc: 55.125.748 đồng; lãi quá hạn: 47.819.289 đồng; Tổng cộng là: 102.945.037 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà B trả một lần toàn bộ số nợ trên và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 05/7/2025 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra Ngân hàng không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

Qua trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà có ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân với Ngân hàng hạn mức 50.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà B có ý kiến như sau:

- Đối với số tiền nợ gốc: 55.125.748 đồng, bà B xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ;

- Đối với số tiền lãi: 47.819.289 đồng, bà B xin Ngân hàng miễn lãi vì hiện tại kinh tế của bà B đang rất khó khăn, con còn nhỏ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng và bà B đã ký với nhau hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại quận G, Tp .. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà B phải thanh toán các khoản nợ thẻ tín dụng

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/11/2022 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) được ký giữa bà B với Ngân hàng.

Căn cứ vào Bản tự khai của bà B ngày 06/06/2025 và tại phiên tòa bà B cũng xác định có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và có nhận thẻ tín dụng do Ngân hàng cấp. Thẻ hiện việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đúng quy định tại các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

Căn cứ bản sao kê các lần giao dịch của bà B mà Ngân hàng cung cấp, thẻ hiện bà B có thực hiện các giao dịch từ thẻ **số 436438-4503 được Ngân hàng cấp cho bà B**. Tính đến ngày 04/7/2025 bà B còn nợ số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc: 55.125.748 đồng; lãi quá hạn: 47.819.289 đồng; Tổng cộng là: 102.945.037 đồng. Do bà B không thanh toán đúng hạn số tiền qua các lần giao dịch nên phát sinh lãi suất, các loại phí theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở bà B thanh toán số tiền còn nợ nhưng bà B vẫn không thực hiện. Do bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 05/08/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Như vậy, bà B đã vi phạm về thời hạn thanh toán, theo như thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, nên Ngân hàng yêu cầu bà B trả số tiền còn nợ là có căn cứ.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của Ngân hàng. Xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng N, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy, lãi suất và phí của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/11/2022 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà B cho rằng hiện nay bà B có công việc và thu nhập không ổn định. Bà B đang bị bệnh và phải nuôi con nhỏ. Bà B yêu cầu Ngân hàng bỏ toàn bộ số tiền lãi phát sinh và chỉ trả được số tiền gốc, mỗi tháng 1.000.000 đồng trả dần cho đến khi trả hết nợ. Ngân hàng không đồng ý với đề nghị của bà B. Nếu bà B có thiện chí thực hiện trả ngay một lúc hết số nợ gốc thì Ngân hàng mới có cơ sở xem xét giảm lãi một phần cho bà B.

Do bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong hợp đồng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Vì các lẽ trên, bà B phải thanh toán 01 lần cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 04/7/2025 là 102.945.037 đồng (trong đó Nợ gốc: 55.125.748 đồng; lãi quá hạn: 47.819.289 đồng); kể từ ngày 05/7/2025, bà B tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.005.814 đồng theo Biên lai số 0014789 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp.

Bà B phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng là 102.945.037 đồng, tương ứng với số tiền án phí bà B phải chịu là: 5.147.252 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 04/7/2025 là: 102.945.037 đồng (*Bằng chữ: Một trăm*

lẻ hai triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn không trăm ba mươi bảy đồng) gồm:
Nợ gốc: 55.125.748 đồng; lãi quá hạn: 47.819.289 đồng.

Kể từ ngày 05/7/2025, bà Nguyễn Thị B tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ký ngày 10/01/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

2. Về án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị B phải chịu số tiền án phí là 5.147.252 đồng (*Bằng chữ: Năm triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi hai đồng*).

H lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.005.814 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu không trăm lẻ năm ngàn tám trăm mười bốn đồng*) theo Biên lai số 0014789 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV7;
- THADS TP.HCM;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Hoàng